HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2012/NQ-HĐND	*Quảng Trị, ngày 16 tháng 8 năm 2012*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 773/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Sau khi xem xét Tờ trình số 129/TTr-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Thường trực HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Căn cứ chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước và một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính quy định tại Nghị quyết này, Thường trực HĐND các cấp lập dự toán ngân sách hàng năm cho hoạt động của HĐND cấp mình và tổ chức thực hiện theo đúng quy định. Khi giá thay đổi làm tăng, giảm trên 20% của các khoản chi so với thời điểm ban hành thì Thường trực HĐND các cấp báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao UBND tỉnh cân đối ngân sách đảm bảo thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 16 tháng 8 năm 2012 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 13/NQ-HĐND NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 2011 CỦA HĐND TỈNH QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC CHI TIÊU TÀI CHÍNH PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 16 tháng 8 năm 2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

1. Điều chỉnh bổ sung số và ký hiệu của Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 13)

Số: 13/NQ-HĐND nay bổ sung thêm năm ban hành là:

Số: 13/2011/NQ-HĐND

2. Bãi bỏ nội dung tại Mục 8 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13

Chủ tịch HĐND xã, thị trấn được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm 10% theo quy định tại Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

3. Bổ sung Mục 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13

Hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND các cấp được hưởng chế độ, định mức chi bồi dưỡng theo quy định hiện hành của HĐND tỉnh về quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các chế độ, định mức chi khác có liên quan theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Bổ sung Mục 11 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13

Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo các cơ quan thuộc HĐND thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chế độ thăm viếng, công tác xã hội, phương tiện làm việc, nghiên cứu khoa học, giám định phản biện xã hội, tuyên truyền hoạt động của HĐND và hỗ trợ hoạt động của

Văn phòng do Thường trực HĐND các cấp quyết định cụ thể trong nguồn kinh phí hoạt động của HĐND hàng năm.

5. Sửa đổi, bổ sung Phần II của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Hoạt động kỳ họp HĐND				
-	Bồi dưỡng đại biểu HĐND nghiên cứu tài liệu kỳ họp HĐND	Người/ngày	100	70	50
-	Hỗ trợ tiền ăn đối với đại biểu HĐND; đại biểu mời; cán bộ, nhân viên trực tiếp phục vụ	Người/ngày	100	70	60
-	Bồi dưỡng Chủ tọa kỳ họp	Người/ngày	150	100	70
-	Bồi dưỡng Đoàn Thư ký kỳ họp	Người/ngày	100	70	50
-	Cán bộ, công chức tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ, thảo luận tại hội trường	Người/kỳ họp	100	70	50
-	Xây dựng các báo cáo phục vụ kỳ họp HĐND	Văn bản	150	100	70
-	Kiểm tra, ký ban hành Nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật	Nghị quyết	100	50	30
-	Kiểm tra, ký ban hành Nghị quyết cá biệt	Nghị quyết	50	30	20
2	Khảo sát, giám sát, thẩm tra và các công việc khác giữa hai kỳ họp HĐND				
	Bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu, tham gia ý kiến; phục vụ Đoàn giám sát:				
-	Đại biểu HĐND; đại biểu mời	Người/ngày	100	50	40
-	Cán bộ, công chức, phóng viên, nhân viên trực tiếp phục vụ	Người/ngày	70	50	30
-	Hỗ trợ tiền ăn (tại cơ sở, xã cần ở lại)	Người/ngày	100	60	
-	Xây dựng quyết định thành lập đoàn, kế hoạch, đề cương	Đợt	100	70	50
-	Giám sát văn bản quy phạm pháp luật	Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành của HĐND tỉnh về quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các chế độ, định mức chi khác có liên quan theo quy định tại Nghị quyết này			

Số TT	Nội dung chi		Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
-	Xây dựng báo kết quả thẩm tra, giám sát	+ Báo cáo thẩm tra	Báo cáo	Theo quy định hiện hành của HĐND tỉnh		
		+ Báo cáo kết quả giám sát	Báo cáo	200	100	70
3	Cuộc họp, hội nghị, hội thảo chuyên đề của HĐND					
a)	Cuộc họp lấy ý kiến					
-	Bài tham luận		Bài	200	70	50
-	Người chủ trì		Người/buổi	100	70	50
-	Thành viên dự họp		Người/buổi	70	60	40
-	Cán bộ, công chức, phóng viên, nhân viên phục vụ		Người/buổi	50		
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến dự án Luật, Pháp lệnh; Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết		Văn bản	150	100	70
b)	Hội nghị, hội thảo chuyên đề					
-	Bài tham luận		Bài	200	70	50
-	Người chủ trì		Người/buổi	100	70	50
-	Thành viên dự họp		Người/buổi	70	60	40
-	Cán bộ, công chức, phóng viên, nhân viên phục vụ		Người/buổi	50	40	30
4	Hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân					
a)	Tổ chức tiếp xúc cử tri					
-	Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri		Điểm	500	350	250
-	Hỗ trợ tiền ăn đại biểu HĐND, đại biểu mời, nhân viên phục vụ		Người/ngày	100	60	
-	Bồi dưỡng đại biểu HĐND nghiên cứu tài liệu		Người/đợt	200	120	100
-	Tiền nghỉ trưa cho đại biểu, cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ (áp dụng đối với các điểm tiếp xúc cử tri cần phải nghỉ lại)		Theo quy định hiện hành của HĐND tỉnh			
b)	Bồi dưỡng đại biểu tiếp công dân		Người/ngày	100	70	50
5	Hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm, đại biểu HĐND đang làm việc tại cơ sở sản xuất, kinh doanh và đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước					

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
a)	Hỗ trợ thành viên các Ban hoạt động kiêm nhiệm				
	Trưởng ban	Ltt/người/tháng	0,5	0,4	Cấp xã không có các Ban
	Phó Trưởng ban	Ltt/người/tháng	0,4	0,3	
	Thành viên	Ltt/người/tháng	0,3	0,2	
b)	Đại biểu HĐND đang làm việc tại cơ sở sản xuất, kinh doanh và đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Ltt/người/tháng	0,25	0,2	0,15
6	Chế độ thăm viếng, công tác xã hội, phương tiện làm việc, nghiên cứu khoa học, giám định phản biện xã hội, tuyên truyền hoạt động của HĐND và hỗ trợ hoạt động Văn phòng do Thường trực HĐND các cấp quyết định cụ thể trong nguồn kinh phí hoạt động của HĐND hàng năm				
7	Hỗ trợ khoán tiền xăng cho đại biểu HĐND thực hiện nhiệm vụ và tham gia các hoạt động của HĐND				
a)	Đại biểu Tổ HĐND huyện Hướng Hóa và Đakrông	Người/năm	1.800	1.200	500
b)	Đại biểu Tổ HĐND các huyện còn lại và thị xã Quảng Trị, thành phố Đông Hà	Người/năm	1.500		
8	Một số chế độ khác				
a)	Tặng quà tổng kết nhiệm kỳ	Người	1.000	600	400
b)	Hỗ trợ trang phục cho đại biểu HĐND (đại biểu HĐND nhiều cấp chỉ được hỗ trợ 01 mức cao nhất của cấp đương nhiệm)	Người/nhiệm kỳ	2.500	1.500	1.200
c)	Hỗ trợ trang phục cho cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh phục vụ trực tiếp hoạt động HĐND tỉnh	Người/nhiệm kỳ	1.000		
d)	Hỗ trợ báo chí cho đại biểu HĐND	Người/tháng	150	100	50
e)	Hỗ trợ máy vi tính để bàn cho Thường trực HĐND mỗi xã, thị trấn	01 bộ/nhiệm kỳ			01

Các chế độ, định mức chi quy định tại mục này, thay thế Phần II của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

6. Tổ chức thực hiện

Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm, Thường trực HĐND xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ và chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND cùng cấp theo quy định của HĐND tỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động và chi tiêu tài chính của HĐND cùng cấp năm sau, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của cấp xã (có ghi rõ danh mục), báo cáo UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) cân đối trình HĐND tỉnh phê chuẩn trong dự toán thu, chi ngân sách địa phương.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc